

Bản án số: 09/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 25/8/2020

"V/v ly hôn; nuôi con chung"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC- TỈNH HẢI DƯƠNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Bùi Thị Thúy

+ Bà Nguyễn Thị Lan.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ – Thư ký Toà án nhân dân huyện Gia Lộc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thanh - Kiểm sát viên

Ngày 25/8/2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 101/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2020, về việc ly hôn; nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/QĐXX-ST ngày 27 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/QĐST -HNGĐ ngày 11/8/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1992.

ĐKKHKT: Số A, ngõ B, Nguyễn Văn T, khu c, thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ cư trú: Thôn T, xã H, huyện G, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh Bùi Quý T, sinh năm 1990.

Địa chỉ cư trú: Số A, ngõ B, Nguyễn Văn T, khu c, thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương.

3. Người làm chứng:

3.1 Bà Đoàn Thị O, sinh năm 1971; Địa chỉ: Số A, ngõ B, Nguyễn Văn T, khu c, thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương.

3.2 Bà Bùi Thị H, sinh năm 1970; Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện G, tỉnh Hải Dương.

(Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Ngọc A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Bùi Quý T, bà Đoàn Thị O, bà Nguyễn Thị H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/5/2020, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc A trình bày: Chị và anh Bùi Quý T kết hôn trên cơ sở tự nguyện được UBND thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương đăng ký kết hôn ngày 25/9/2017. Sau khi kết hôn tình cảm vợ chồng sống không được hạnh phúc, nguyên nhân do quan điểm sống của hai vợ chồng trái ngược, không có sự tôn trọng nhau nên nhiều lần vợ chồng xảy ra cãi nhau. Tháng 11/2019 chị đã bỏ về nhà đẻ ở, vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Tháng 02/2020 chị đã làm đơn xin ly hôn anh T sau đó chị xin rút đơn để tạo cơ hội cho vợ chồng về đoàn tụ nhưng sau thời gian chị rút đơn xin ly hôn, tình cảm vợ chồng vẫn không thiện được, vợ chồng vẫn sống thân mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được xin ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Bùi Bảo D, sinh ngày 12/7/2018 hiện đang ở với chị, sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con .

Về tài sản: Không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Bùi Quý T đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do nên anh T không có bản tự khai, không tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và phiên hòa giải do Tòa án triệu tập. Do anh T vắng mặt nên trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành lấy lời khai của bà Đoàn Thị O mẹ đẻ anh Bùi Quý T, bà O trình bày: Bà xây dựng hạnh phúc cho anh T và chị Ngọc A vào năm 2017, sau khi kết hôn vợ chồng anh T chung sống cùng gia đình bà. Trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do quan điểm sống của hai vợ chồng trái ngược nhau kể cả trong việc sinh hoạt hàng ngày, anh T thì cẩn thận sạch sẽ, chị Ngọc A thì không ngăn nắp gọn gàng làm đâu bỏ đấy cũng vì vậy mà đã xảy ra cãi nhau không ai tôn trọng ai. Cuối năm 2019 chị Ngọc A đã bỏ về nhà đẻ ở, anh T xuống tìm nhưng chị Ngọc A một mực không về. Tháng 02/2020 chị Ngọc A đã làm đơn xin ly hôn nhưng sau đó lại rút đơn, sau thời gian chị Ngọc A rút đơn ly hôn tình cảm vợ chồng cũng không thay đổi, vợ chồng vẫn sống ly thân mỗi người một nơi. Hiện nay anh T đi làm công ty ở huyện C, tỉnh Hải Dương, bà không biết địa chỉ công ty, hàng ngày anh T vẫn về nhà. Bà đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho anh T, bà đều đã

giao lại cho anh T nhưng anh T đã nói lại với bà, do chị Ngọc A thách thức anh T nên anh T sẽ không bao giờ đến Tòa án giải quyết vụ án, đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu của chị Ngọc A và không triệu tập anh T nữa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng quyền nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn không thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia tố tụng tại phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt, người làm chứng vắng mặt nhưng đã có lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nên Tòa án xét xử vụ án vắng các đương sự là phù hợp pháp luật. Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Ngọc A cho chị Ngọc A được ly hôn anh T.

- Về con chung: Giao cháu Bùi Bảo D cho chị Ngọc A nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi trưởng thành. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Ngọc A không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về án phí: Chị Ngọc A chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngày 29/5/2020 chị Nguyễn Thị Ngọc A làm đơn khởi kiện xin ly hôn anh Bùi Quý T có địa chỉ nơi cư trú tại: Số A, ngõ B, Nguyễn Văn T, thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương tại thời điểm chị Nguyễn Thị Ngọc A làm đơn khởi kiện xin ly hôn với bị đơn anh Bùi Quý T có đăng ký hộ khẩu thường trú và trú tại Số A, ngõ B, Nguyễn Văn T, thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương nên Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Ngọc A vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Bùi Quý T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, người làm chứng vắng mặt nhưng đã có lời khai trong hồ sơ nên HĐXX tiến hành xét

xử vụ án vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 229 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc A và anh Bùi Quý T kết hôn trên cơ sở tự nguyện được UBND thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương đăng ký kết hôn ngày 25/9/2017 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không được hạnh phúc nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có sự tôn trọng nhau nên thường hay xảy ra đánh cãi nhau nên vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2019 đến nay không ai quan tâm đến cuộc sống của ai, đầu năm 2020 chị Ngọc A đã làm đơn xin ly hôn anh T, sau đó lại rút đơn mong có cơ hội để vợ chồng đoàn tụ nhưng sau thời gian đó tình cảm vợ chồng cũng không hề cải thiện được, mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Tháng 5/2020 chị Nguyễn Thị Ngọc A lại làm đơn khởi kiện xin ly hôn anh T. Trong quá trình giải quyết vụ án, do bị đơn anh T cố tình vắng mặt nên không có bản tự khai trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Ngọc A. Để xác định tình trạng mâu thuẫn vợ chồng chị Ngọc A và anh T, Tòa án xác minh thân nhân của anh T và thân nhân của chị Ngọc A cũng như chính quyền địa phương, đoàn thể nơi anh T đang sinh sống thì thấy mâu thuẫn vợ chồng anh T, chị Ngọc A xảy ra từ nhiều năm nay, tình cảm vợ chồng không cải thiện được, vợ chồng sống ly thân nhưng cả hai không có biện pháp gì để cải thiện quan hệ tình cảm điều đó chứng tỏ mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Ngọc A làm đơn khởi kiện xin ly hôn anh T, HĐXX chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Ngọc A, xử cho chị được ly hôn với anh T là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Vợ chồng có một con chung là Bùi Bảo D, sinh ngày 12/7/2018 hiện đang ở với chị Ngọc A. Do cháu D còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi cần sự chăm sóc nuôi dưỡng của mẹ hơn, trong khi chị Ngọc A có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con chung nên để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu D, HĐXX xét thấy cần giao cháu D cho chị Ngọc A được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Do chị Ngọc A tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, xét thấy sự tự nguyện của chị là phù hợp pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[4] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc A phải chịu tiền án phí sơ thẩm dân sự ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016.

Bởi các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

* Áp dụng: Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147; khoản 2 Điều 229; Điều 238; khoản 4 Điều 147; Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí, lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Ngọc A ly hôn anh Bùi Quý T.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Bùi Bảo D, sinh ngày 12/7/2018 cho chị Nguyễn Thị Ngọc A được tiếp tục nuôi dưỡng đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Ngọc A không yêu cầu anh Bùi Quý T cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn, anh T người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc A phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm dân sự ly hôn được khấu trừ vào số tiền chị Nguyễn Thị Ngọc A đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008772 ngày 01/6/2020 của Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Gia Lộc.
- Những người tham gia tố tụng.
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Gia Lộc.
- UBND thị trấn G.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Minh Yến